

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc huy động vốn, thành lập, quản lý và giám sát hoạt động của quỹ hoán đổi danh mục (exchange-traded fund), sau đây gọi là quỹ ETF.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

a) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thực hiện việc quản lý, cung cấp dịch vụ cho quỹ ETF;

b) Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, thành viên lập quỹ và các tổ chức khác

cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động huy động vốn, thành lập và quản lý quỹ ETF;

c) Nhà đầu tư tham gia vào quỹ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chỉ số tham chiếu* là chỉ số thị trường đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư này do Sở Giao dịch Chứng khoán tại Việt Nam xây dựng và quản lý.

2. *Chứng khoán cơ cấu* là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu.

3. *Danh mục chứng khoán cơ cấu* là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được công ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF.

4. *Đại lý phân phối* là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ ETF với công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ.

5. *Chứng chỉ quỹ ETF* là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ ETF. Mệnh giá chứng chỉ quỹ ETF là 10.000 đồng.

6. *Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)* trên một chứng chỉ quỹ là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.

7. *Hoán đổi danh mục* là việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa quỹ ETF và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại điều lệ quỹ.

8. *Hồ sơ cá nhân* bao gồm bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này, bản sao có chứng thực giấy chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc tài liệu chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

9. *Lệnh giao dịch hoán đổi* bao gồm lệnh mua, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các lô chứng chỉ quỹ ETF, và lệnh bán, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu.

10. *Một lô chứng chỉ quỹ ETF* bao gồm tối thiểu một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ ETF. Lô chứng chỉ quỹ ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch hoán đổi danh mục giữa quỹ ETF và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

11. *Ngày định giá* là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ ETF theo quy định tại Luật Chứng khoán.

12. *Ngày giao dịch hoán đổi* là ngày định giá mà quỹ ETF, thông qua công ty quản lý quỹ, phát hành và mua lại các lô chứng chỉ quỹ ETF từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.

13. *Nhóm các công ty có quan hệ sở hữu* là các công ty có quan hệ công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

14. *Quỹ hoán đổi danh mục (Exchange-Traded Fund)*, gọi tắt là quỹ ETF, là một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ ETF được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

15. *Vốn điều lệ quỹ* là giá trị tài sản ròng của quỹ ETF xác định tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong điều lệ quỹ.

16. *Thành viên lập quỹ* là công ty chứng khoán, có nghiệp vụ môi giới và tự doanh, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập quỹ ETF với công ty quản lý quỹ.

17. *Thời điểm đóng sổ lệnh* là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối, thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại điều lệ quỹ, công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng chỉ quỹ ETF niêm yết.

18. *Tổ chức tạo lập thị trường quỹ ETF* là thành viên lập quỹ được công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ ETF.

19. *Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan* là ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp một hoặc một số các dịch vụ sau:

a) Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;

- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;

- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;

- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ.

b) Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;

- Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ đăng ký nhà đầu tư;

- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ;

c) Dịch vụ quan hệ khách hàng:

- Tổ chức các cuộc họp ban đại diện quỹ, đại hội nhà đầu tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

- Cung cấp cho nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.

20. *Tổ chức kinh doanh chứng khoán* là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ.

21. *Ngân hàng lưu ký* là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.

22. *Ngân hàng giám sát* là ngân hàng lưu ký có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ ETF của công ty quản lý quỹ.

Điều 3. Quy định chung

1. Tên của quỹ ETF phải phù hợp với các quy định pháp luật về doanh nghiệp, viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây:

a) Cụm từ “Quỹ ETF”;

b) Tên viết tắt của công ty quản lý quỹ và chỉ số tham chiếu.

2. Chứng chỉ quỹ ETF được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán tại Việt Nam.

3. Tài sản của quỹ ETF được lưu ký tại một ngân hàng giám sát không phải là người có liên quan với công ty quản lý quỹ. Hoạt động đầu tư của quỹ ETF được giám sát bởi ngân hàng giám sát.

4. Chỉ số tham chiếu của quỹ ETF phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Do Sở Giao dịch Chứng khoán tại Việt Nam xây dựng và quản lý;

b) Được xây dựng trên cơ sở các chứng khoán cơ cấu đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán tại Việt Nam;

c) Có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có tính đại diện cao, thể hiện đặc trưng của thị trường hoặc nhóm ngành nghề, lĩnh vực. Nguyên tắc hoạt động, công tác quản lý và duy trì chỉ số phải đảm bảo chỉ số phản ánh hợp lý biến động chung trên thị trường hoặc của nhóm ngành nghề, lĩnh vực, phản ánh chính xác sự biến

động giá của chứng khoán cơ cấu, sự thay đổi tỷ trọng chứng khoán cơ cấu và loại chứng khoán cơ cấu;

d) Danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu phải đa dạng và bảo đảm:

- Đối với chỉ số cổ phiếu: có tối thiểu mười (10) cổ phiếu trong danh mục. Tỷ trọng của mỗi cổ phiếu trong danh mục không vượt quá 20% giá trị của chỉ số;

- Đối với chỉ số trái phiếu: có tối thiểu năm (05) trái phiếu trong danh mục. Tỷ trọng mỗi trái phiếu trong danh mục không vượt quá 20% giá trị của chỉ số, trừ trường hợp trái phiếu Chính phủ, tín phiếu, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

đ) Thông tin về chỉ số tham chiếu, mức thay đổi trong ngày của chỉ số tham chiếu phải được công bố hàng ngày trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu), và chỉ bao gồm phần chứng khoán mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan tại thời điểm thực hiện giao dịch;

b) Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu, không tính chứng khoán mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

6. Hoạt động công bố thông tin liên quan tới việc huy động vốn lập quỹ ETF, hoạt động đầu tư của quỹ ETF và các hoạt động khác có liên quan tới quỹ ETF được công ty quản lý quỹ thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:

a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng chỉ quỹ niêm yết, thành viên lập quỹ;

b) Trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết.

Chương II

THÀNH LẬP VÀ QUẢN LÝ QUỸ ETF

Mục 1

THÀNH LẬP QUỸ ETF

Điều 4. Điều kiện thành lập quỹ ETF

1. Việc chào bán lần đầu chứng chỉ quỹ ETF, huy động danh mục chứng khoán cơ cấu để lập quỹ ETF phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Điều kiện chào bán chứng chỉ quỹ ETF như sau:

a) Đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Chứng khoán;

b) Có tối thiểu hai (02) thành viên lập quỹ;

c) Công ty quản lý quỹ có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ; không bị đặt trong tình trạng kiểm soát hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động; hoặc đang trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản;

d) Công ty quản lý quỹ không đang trong tình trạng bị xử phạt các hành vi vi phạm quy định trong lĩnh vực chứng khoán mà chưa thực hiện đầy đủ các chế tài và biện pháp khắc phục theo quyết định xử phạt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đăng ký mua tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ. Tổng số lô chứng chỉ quỹ chào bán thành công phải đạt tối thiểu mười (10) lô, hoặc một số lượng khác, bảo đảm vốn điều lệ của quỹ đạt không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

3. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan. Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại các quỹ ETF.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF

1. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF bao gồm:

a) Giấy đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF theo mẫu tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Điều lệ quỹ;

c) Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;

d) Các tài liệu dự kiến sử dụng để quảng cáo, thông tin giới thiệu về quỹ (nếu có);

đ) Danh sách kèm theo hồ sơ cá nhân của nhân viên điều hành quỹ;

e) Hợp đồng nguyên tắc về hoạt động dịch vụ ký với ngân hàng giám sát; hợp đồng nguyên tắc ký với Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và các tổ chức cung cấp các dịch vụ có liên quan (nếu có); hợp đồng nguyên tắc ký với thành viên lập quỹ; hợp đồng nguyên tắc ký với tổ chức

tạo lập thị trường (nếu có); kèm theo các tài liệu khác xác nhận thành viên lập quỹ đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này;

g) Tài liệu về chỉ số tham chiếu, bao gồm Nguyên tắc xây dựng và quản lý chỉ số và các tài liệu liên quan mô tả chi tiết về cơ cấu danh mục của chỉ số, nguyên lý và phương pháp lựa chọn chứng khoán trong rổ chỉ số, nguyên lý và phương pháp tính chỉ số.

2. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm có đầy đủ những thông tin quan trọng có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư. Trong thời gian hồ sơ đang được xem xét, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cập nhật, sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu phát hiện thông tin không chính xác, phát sinh hoặc bỏ sót thông tin hoặc thấy cần thiết phải giải trình về vấn đề có thể gây hiểu nhầm. Văn bản sửa đổi, bổ sung phải có chữ ký của những người đã ký trong hồ sơ đăng ký chào bán hoặc của những người có cùng chức danh với những người đó hoặc của người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trong thời gian Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF, công ty quản lý quỹ và người có liên quan chỉ được sử dụng một cách trung thực và chính xác các thông tin trong bản cáo bạch đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thăm dò thị trường, trong đó phải nêu rõ mọi thông tin chỉ là dự kiến. Việc cung cấp thông tin này không được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho công ty quản lý quỹ là văn bản xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chào bán, phân phối các lô chứng chỉ quỹ ETF

1. Việc chào bán các lô chứng chỉ quỹ ETF chỉ được thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF.

2. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ETF có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải công bố bản thông báo chào bán theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này và đồng thời gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Bản thông báo chào bán phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối phân phối các lô chứng chỉ quỹ ETF một cách công bằng, công khai, đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư tối thiểu là hai mươi (20) ngày. Thời hạn này phải được ghi trong bản thông báo chào bán.

4. Thành viên lập quỹ đăng ký tham gia góp vốn thành lập quỹ ETF trực tiếp với công ty quản lý quỹ. Nhà đầu tư đăng ký góp vốn thành lập quỹ ETF thông qua thành viên lập quỹ hoặc đại lý phân phối nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán.

5. Việc tham gia góp vốn thành lập quỹ ETF của các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thực hiện bằng danh mục chứng khoán cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu và số lượng các lô chứng chỉ quỹ ETF phân phối cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được xác định trên cơ sở chỉ số tham chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán.

Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và đã được công bố tại bản cáo bạch, thông báo chào bán, nhà đầu tư được tham gia góp vốn bằng tiền. Cơ chế, hình thức thanh toán, nguyên tắc xác định số lượng chứng chỉ quỹ phân phối cho nhà đầu tư trên cơ sở vốn góp bằng tiền của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ và đã được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt.

6. Toàn bộ danh mục chứng khoán cơ cấu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải được phong tỏa tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngay sau khi giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, các tài sản này phải được lưu ký trên tài khoản lưu ký của quỹ ETF mở tại ngân hàng giám sát.

7. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ETF có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải hoàn thành việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ ETF. Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn này, công ty quản lý quỹ được đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ.

Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của công ty quản lý quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ, nhưng tối đa không quá ba mươi (30) ngày. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8. Việc đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán phải được công ty quản lý quỹ công bố công khai theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải tuân thủ quy định tại Điều 22 và Điều 23 Luật Chứng khoán.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký thành lập quỹ

1. Trong thời hạn năm (05) ngày sau khi kết thúc đợt chào bán, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ đăng ký lập quỹ gồm:

a) Giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kết quả chào bán chứng chỉ quỹ của ngân hàng giám sát kèm theo danh sách thành viên lập quỹ, nhà đầu tư: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, số giấy phép thành lập và hoạt động, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán; số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đã đăng ký mua.... theo mẫu quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này; xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về chi tiết danh mục chứng khoán cơ cấu của từng thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào quỹ ETF theo mẫu tại phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Các hợp đồng chính thức ký với các thành viên lập quỹ, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, ngân hàng giám sát.

2. Hồ sơ đăng ký thành lập quỹ được lập thành một (01) bộ gốc kèm theo tệp dữ liệu điện tử. Bộ hồ sơ gốc được gửi trực tiếp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này các nội dung sau:

a) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đại hội nhà đầu tư về ban đại diện quỹ, thành viên ban đại diện quỹ và các nội dung liên quan;

b) Danh sách và hồ sơ cá nhân của các thành viên ban đại diện quỹ.

Điều 8. Điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt

1. Điều lệ quỹ lần đầu do công ty quản lý quỹ xây dựng theo mẫu quy định tại phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ quỹ ETF được coi là đã thông qua điều lệ. Trường hợp sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ đã ban hành, công ty quản lý quỹ phải lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định cho phép thực hiện, công ty quản lý quỹ được sửa các lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm không ảnh hưởng đến nội dung của điều lệ mà không phải lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư. Sau khi sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo cho nhà đầu tư biết về những nội dung sửa đổi, bổ sung.

2. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng và cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, bao hàm đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định tại

phụ lục số 09 và phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt được cập nhật khi phát sinh các thông tin quan trọng hoặc được cập nhật định kỳ theo tần suất quy định tại điều lệ quỹ. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt phải được trình bày dễ hiểu, hạn chế sử dụng thuật ngữ chuyên môn, được đăng trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư theo yêu cầu.

Điều 9. Xác nhận quyền sở hữu, đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ ETF

1. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng có trách nhiệm lập sổ đăng ký nhà đầu tư và xác nhận quyền sở hữu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đối với số lô chứng chỉ quỹ ETF đã đăng ký mua. Sổ đăng ký nhà đầu tư phải ghi đúng, đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ;

b) Tổng số lô chứng chỉ quỹ đã bán; cơ cấu và chi tiết danh mục, giá trị vốn huy động được;

c) Danh sách thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và các thông tin sau: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, số giấy phép thành lập và hoạt động, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán; số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đã đăng ký mua; tỷ lệ sở hữu;

d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải thực hiện đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ ETF cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ ETF thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

3. Số lượng các lô chứng chỉ quỹ ETF được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Điều 10. Niêm yết, hủy niêm yết chứng chỉ quỹ ETF

1. Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất các thủ tục niêm yết chứng chỉ quỹ ETF tại Sở Giao dịch Chứng khoán. Hồ sơ niêm yết chứng chỉ quỹ ETF thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Sau mỗi ngày giao dịch hoán đổi, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có trách nhiệm thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán về khối lượng chứng chỉ quỹ ETF được công ty quản lý quỹ phát hành, mua lại.

3. Chứng chỉ quỹ ETF bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:

a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (tracking error-TE) liên tục trong ba (03) tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán, trong đó mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của quỹ và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln \left[\frac{NAV_i}{NAV_{i-1}} \right] - \ln \left[\frac{\text{Chỉ số tham chiếu}_i}{\text{Chỉ số tham chiếu}_{i-1}} \right],$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

$$n = 26$$

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

b) Không thể xác định được chỉ số tham chiếu vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số;

c) Quỹ giải thể theo quy định tại Điều 20 Thông tư này;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và tại điều lệ quỹ.

4. Trường hợp mức sai lệch của quỹ ETF đạt từ 80% trở lên của mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán đồng thời công bố thông tin theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này trong vòng 24h, ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong vòng ba (03) tháng, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% của mức sai lệch tối đa.

Điều 11. Thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường

1. Thành viên lập quỹ đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán; ngân hàng lưu ký;

b) Trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập quỹ ETF, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%), hoặc một tỷ lệ khác cao hơn theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ. Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

c) Đã ký hợp đồng lập quỹ ETF với công ty quản lý quỹ;

d) Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng lập quỹ.

2. Quyền của thành viên lập quỹ:

a) Được cung cấp dịch vụ môi giới cho nhà đầu tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định tại Điều 12 Thông tư này. Quy định này chỉ áp dụng đối với thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;

b) Được thực hiện các giao dịch tự doanh với quỹ ETF, thông qua công ty quản lý quỹ, theo cơ chế hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu của mình lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại;

c) Được vay chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF; hoặc vay các lô chứng chỉ quỹ ETF để hoán đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động vay chứng khoán, chứng chỉ quỹ ETF này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

d) Được thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ ETF, chứng khoán cơ cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm để thanh toán giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

3. Trách nhiệm của thành viên lập quỹ:

a) Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua đại lý phân phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới công ty quản lý quỹ, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;

b) Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các nhà đầu tư. Lệnh giao dịch của nhà đầu tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính thành viên lập quỹ. Trong giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở Giao dịch Chứng khoán, thành viên lập quỹ phải thực hiện lệnh của nhà đầu tư trước lệnh của mình. Trong giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, thành viên lập quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư;

c) Bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý tách biệt tài sản của nhà đầu tư trên tài khoản của từng nhà đầu tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch

liên quan tới tài sản của nhà đầu tư; không được nhận ủy quyền của nhà đầu tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của nhà đầu tư;

đ) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ;

e) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;

g) Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của đại lý phân phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành.

4. Trường hợp thanh lý hoặc ký mới hợp đồng thành viên lập quỹ, trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng hoặc ký mới hợp đồng với thành viên lập quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời gửi kèm biên bản thanh lý hoặc hợp đồng mới và công bố thông tin về việc thanh lý hợp đồng với thành viên lập quỹ hoặc bổ sung thành viên lập quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này.

5. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định, công ty quản lý quỹ có thể chỉ định một hoặc một số thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường quỹ ETF. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các tổ chức tạo lập thị trường.

6. Tổ chức tạo lập thị trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán chứng chỉ quỹ ETF; có trách nhiệm mua, bán chứng chỉ quỹ ETF theo mức giá yết tại các ngày giao dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy chế hoạt động tổ chức tạo lập thị trường do Sở Giao dịch Chứng khoán xây dựng và ban hành.

Mục 2

GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

Điều 12. Giao dịch hoán đổi (giao dịch sơ cấp)

1. Giao dịch hoán đổi thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Chỉ áp dụng cho nhà đầu tư đáp ứng một số các điều kiện đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch, và áp dụng cho thành viên lập quỹ;

b) Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua thành viên lập quỹ, nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;

c) Tần suất giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ và được công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, nhưng tối thiểu không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng;

d) Đơn vị giao dịch là một lô chứng chỉ quỹ ETF. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và đã được công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ quỹ ETF, tuy nhiên phải bảo đảm một lô có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng lô chứng chỉ quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô lô chứng chỉ quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ và các đại lý phân phối;

đ) Lệnh giao dịch hoán đổi của thành viên lập quỹ và của nhà đầu tư được chuyển tới công ty quản lý quỹ và phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp đại lý phân phối, thành viên lập quỹ, công ty quản lý quỹ nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax thì phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:

- Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;

- Trước khi thực hiện, công ty quản lý quỹ phải xác nhận lại với thành viên lập quỹ và thành viên lập quỹ xác nhận lại với nhà đầu tư. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải cung cấp cho công ty quản lý quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do công ty quản lý quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập quỹ, bản cáo bạch;

e) Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:

- Được thành viên lập quỹ chuyển tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện tại ngày giao dịch hoán đổi kế tiếp hoặc bị hủy bỏ, tùy thuộc vào quy định tại điều lệ quỹ và đã được công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;

- Được công ty quản lý quỹ xác nhận đủ điều kiện thực hiện, sau khi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, ngân hàng giám sát bảo đảm thành viên lập quỹ, nhà đầu tư có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số lô chứng chỉ

quỹ để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán chứng chỉ quỹ ETF, số lượng chứng chỉ quỹ ETF còn lại của thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tư cách là thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ;

g) Hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, và ngược lại, được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và quỹ ETF tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Việc chuyển khoản danh mục chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ quỹ ETF trong hoạt động thanh toán thực hiện theo quy trình đã được quy định rõ tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, phù hợp với hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và ngân hàng giám sát.

2. Quy trình giao dịch hoán đổi thực hiện như sau:

a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) lô chứng chỉ quỹ ETF. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ;

b) Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được chuyển tới thành viên lập quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các đại lý phân phối) theo quy định tại điều lệ quỹ và các hướng dẫn tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt. Trường hợp thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ nhà đầu tư do đại lý phân phối, thành viên lập quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai, ... thì lệnh giao dịch của nhà đầu tư được chuyển thẳng tới công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc tới ngân hàng giám sát;

Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư và của thành viên lập quỹ được thành viên lập quỹ chuyển tới công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát theo quy định tại điều lệ quỹ và tại hợp đồng lập quỹ. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sau đó chuyển lệnh tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

c) Trong vòng tối đa ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ ETF vào tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 3 Điều này; công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư;

d) Trong vòng tối đa hai (02) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;

đ) Sau khi tiếp nhận lệnh của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra (thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán) khả năng thực hiện được lệnh của khách hàng bảo đảm đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ trường hợp:

a) Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF. Phần chênh lệch phát sinh được thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản tiền của quỹ ETF mở tại ngân hàng giám sát trước hoặc tại ngày thanh toán. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng; các khoản cổ tức, trái tức của chứng khoán cơ cấu và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy định tại điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan;

b) Khi hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các lô chứng chỉ quỹ ETF mà công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng các chứng chỉ quỹ ETF vào các tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ tại ngày thanh toán hoặc bằng tiền theo quy định tại điều lệ quỹ.

4. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và đã được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền, hoặc bằng các tài sản khác cho thành viên lập quỹ, đại lý phân phối. Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối có trách nhiệm mua đủ danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF cho nhà đầu tư. Cơ chế thanh toán, tỷ lệ ký quỹ, việc bổ sung ký quỹ của nhà đầu tư đối với thành viên lập quỹ, đại lý phân phối trong thời gian các tổ chức này thực hiện việc mua gom chứng khoán cơ cấu để hoán đổi thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ đã công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt.

5. Trường hợp quỹ ETF tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF của nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư, dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại ngày giao dịch hoán đổi), hoặc dẫn tới nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính nhà đầu tư đó thì Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có trách nhiệm thông báo cho công ty quản lý quỹ và yêu cầu công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

a) Trường hợp là nhà đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư này;

b) Trường hợp hoán chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư dẫn tới nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính nhà đầu tư mà nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho các nhà đầu tư này;

Việc thanh toán tiền cho các nhà đầu tư quy định tại khoản này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

c) Trường hợp là các nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại điều lệ của nhà đầu tư đó, nhà đầu tư có trách nhiệm bán số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

6. Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF từ nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Sở Giao dịch Chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu;

b) Tổ chức phát hành của loại chứng khoán chiếm một tỷ trọng nhất định trong danh mục đầu tư của quỹ ETF đã được quy định tại điều lệ quỹ và được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán chiếm một tỷ trọng nhất định trong danh mục đầu tư của quỹ ETF đã được quy định tại điều lệ quỹ và công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá

trị tài sản ròng của quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;

c) Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;

d) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;

đ) Các trường hợp khác theo quy định tại điều lệ quỹ và công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán. Công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

8. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, nhưng không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi gần nhất. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại điểm a, b khoản 6 Điều này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.

9. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 8 Điều này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, công ty quản lý quỹ phải tổ chức đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư bằng văn bản về việc giải thể quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

10. Phí phát hành, phí mua lại (nếu có) áp dụng đối với thành viên lập quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch. Việc điều chỉnh phí trong phạm vi cho phép tại quy định này được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và các thành viên lập quỹ.

11. Phí phát hành, phí mua lại (nếu có) áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Việc tăng các mức phí chỉ được thực hiện khi mức phí sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, điều lệ quỹ đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức phí mới,

thời điểm áp dụng và các tài liệu này đã được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 13. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở Giao dịch Chứng khoán (giao dịch thứ cấp)

1. Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ giao dịch chứng chỉ quỹ ETF đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng chỉ quỹ ETF niêm yết;

c) Chứng chỉ quỹ ETF có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Thành viên lập quỹ chỉ được bán chứng chỉ quỹ ETF (bán chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán khi bảo đảm có đủ chứng chỉ quỹ ETF (có đủ chứng khoán cơ cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Số chứng chỉ quỹ ETF (chứng khoán cơ cấu) này bao gồm số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (lô chứng chỉ quỹ ETF) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đã thực hiện thành công trước đó.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ETF

Điều 14. Danh mục và hoạt động đầu tư của quỹ ETF

1. Danh mục đầu tư của quỹ ETF phải phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này và bảo đảm mức sai lệch xác định theo điểm a khoản 3 Điều 10 không vượt quá mức sai lệch tối đa quy định tại điều lệ quỹ, quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật.

2. Danh mục đầu tư của quỹ ETF bao gồm các chứng khoán cơ cấu trong danh mục của chỉ số tham chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển

nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ tại các ngân hàng thương mại đã được ban đại diện quỹ phê duyệt;

b) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; tín phiếu Kho bạc nhà nước;

c) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

d) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của Việt Nam. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;

đ) Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán có trong danh mục của quỹ ETF.

3. Danh mục đầu tư của quỹ ETF phải phù hợp với các quy định tại điều lệ quỹ và phải bảo đảm:

a) Không đầu tư vào quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;

b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;

c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;

d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

đ) Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;

e) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;

g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động của quỹ ETF, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần

trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

5. Cơ cấu đầu tư của quỹ ETF quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều này được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

b) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thu tóm, chào mua công khai của các tổ chức phát hành;

c) Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;

d) Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

đ) Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể hoặc thời gian hoạt động của quỹ tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực chưa quá chín mươi (90) ngày.

6. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này và tại điều lệ quỹ.

7. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

8. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại gây ra cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian và kết quả khắc phục. Thông báo phải có ý kiến xác nhận của ngân hàng giám sát.

Điều 15. Giá trị tài sản ròng

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:

a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;

b) Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.

2. Sổ tay định giá phải được ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ phê duyệt. Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải được ban đại diện quỹ phê duyệt.

3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của quỹ ETF, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo nguyên tắc sau:

a) Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này và quy định nội bộ tại sổ tay định giá;

b) Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành;

c) Sau khi xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo kết quả để ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc;

d) Ngay sau khi ngân hàng giám sát xác nhận, các giá trị tài sản ròng nêu trên phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở Giao dịch Chứng khoán, đại lý phân phối và thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện ngay trong ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn ngày giao dịch tiếp theo.

4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ hoặc trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán.

5. Công ty quản lý quỹ bảo đảm mức sai lệch xác định theo công thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư này, không lớn hơn mức sai lệch cho phép quy định tại điều lệ quỹ, đã được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch

tóm tắt và mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán. Trường hợp vượt quá các mức nêu trên, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của công ty, giải thích lý do và điều chỉnh danh mục để khắc phục tình trạng đó trong các thời hạn quy định tại điều lệ quỹ và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng do ngân hàng giám sát thực hiện là phù hợp các quy định tại điều lệ quỹ và của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính đúng. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Sở Giao dịch Chứng khoán xác định và công bố thông tin về giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ.

7. Trong vòng ba (03) ngày, kể từ ngày giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong sáu (06) tháng liên tục thì công ty quản lý quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể quỹ theo quy định tại Điều 20 Thông tư này.

Điều 16. Phân chia lợi nhuận của quỹ ETF

1. Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo thanh toán lợi tức phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định tại phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

a) Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ và đã công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;

b) Thực hiện sau khi quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);

c) Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;

d) Mức chi trả lợi tức do đại hội nhà đầu tư hoặc ban đại diện quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của quỹ;

đ) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

4. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chi trả ngay cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản của chính các tổ chức, cá nhân này theo chỉ thị của công ty quản lý quỹ.

Điều 17. Chi phí hoạt động của quỹ ETF

1. Chi phí hoạt động của quỹ ETF bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế dưới đây:

a) Phí quản lý tài sản trả cho công ty quản lý quỹ;

b) Phí trả cho thành viên lập quỹ;

c) Phí lưu ký tài sản quỹ, phí giám sát trả cho ngân hàng giám sát;

d) Phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

đ) Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu;

e) Phí giao dịch, bao gồm chi phí môi giới, phí chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là phí trả cho dịch vụ khác hoặc phí trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);

g) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ;

h) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ;

i) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc quý II và quý IV hàng năm, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong 12 tháng gần nhất} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của quỹ là tổng giá trị tài sản ròng của quỹ tính tại các ngày định giá trong kỳ đó chia cho số ngày định giá chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

3. Công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ, không bao gồm các ấn phẩm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.

Mục 4

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ, BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư, đại hội nhà đầu tư

1. Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư tham gia vào quỹ ETF thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

2. Quyền, nghĩa vụ, trình tự, thủ tục, điều kiện triệu tập đại hội nhà đầu tư, thể thức lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở; quy định của pháp luật chứng khoán và doanh nghiệp về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và được đại hội nhà đầu tư gần nhất cho phép thực hiện, công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư thường niên bằng văn bản theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

Điều 19. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ đại diện cho nhà đầu tư, được bầu tại các cuộc họp đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Ban đại diện quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) là các thành viên không phải là người có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát. Mỗi thành viên ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.

2. Trong ban đại diện quỹ phải có thành viên có trình độ, chuyên môn về pháp luật và thành viên độc lập có trình độ, chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, số lượng thành viên, việc đề cử, ứng cử, bầu cử, bổ sung thành viên ban đại diện quỹ; quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ thành viên ban đại diện quỹ; trình tự, thủ tục, điều kiện triệu tập họp và lấy ý kiến ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định tại điều

lệ quỹ, phù hợp với hoạt động của quỹ ETF và các quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

Mục 5

GIẢI THỂ QUỸ ETF

Điều 20. Giải thể quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà ban đại diện quỹ không xác lập được công ty quản lý quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà công ty quản lý quỹ không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c) Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mức mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;

d) Quỹ hủy niêm yết;

đ) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ, hoặc đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ trước khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ;

e) Các trường hợp khác theo quy định của điều lệ quỹ.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều này, hoặc ba (03) tháng trước ngày tiến hành giải thể quỹ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có công ty quản lý quỹ) triệu tập đại hội nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể quỹ.

3. Đại hội nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của quỹ cho nhà đầu tư; hoặc duy trì hoạt động của ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản quỹ và phân chia tài sản quỹ cho nhà đầu tư theo phương án đã được đại hội nhà đầu tư thông qua. Trường hợp quỹ giải thể theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thanh lý, phân chia tài sản quỹ.

5. Trường hợp đại hội nhà đầu tư có quyết định khác, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát không được:

- a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho quỹ;
- b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của quỹ;
- c) Tặng, cho tài sản của quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
- d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia; hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của quỹ mà không thực hiện bù trừ;
- đ) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của quỹ.

6. Tài sản của quỹ đang giải thể bao gồm :

- a) Tài sản và quyền về tài sản mà quỹ có tại thời điểm quỹ buộc phải giải thể;
- b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm quỹ buộc phải giải thể;
- c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.

7. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục cơ cấu cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư tại quỹ theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều này.

8. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng chứng chỉ quỹ quá nhỏ theo quy định tại điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ được bán thanh lý tài sản và thanh toán tiền cho nhà đầu tư. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán, hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được đại hội nhà đầu tư thông qua.

9. Tài sản từ việc thanh lý quỹ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;
- b) Các khoản phải trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể quỹ. Trong trường hợp quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này, quỹ không phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát các khoản phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành thực hiện việc chuyển khoản, đăng ký sở hữu tài sản cho nhà đầu tư.

10. Kết quả thanh lý tài sản của quỹ phải được xác nhận bởi ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ, được thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập được đại hội nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc ban đại diện quỹ thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

Điều 21. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có công ty quản lý quỹ) phải thông báo việc giải thể quỹ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Tài liệu thông báo việc giải thể quỹ bao gồm:

a) Thông báo về việc giải thể quỹ bao gồm các nội dung theo quy định tại phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp và nghị quyết của đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, kèm theo phương án, lộ trình thanh lý và phân phối tài sản đã được đại hội nhà đầu tư thông qua, trong đó nêu rõ nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng tại ngày giải thể và trong thời gian quỹ thanh lý tài sản phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ và sổ tay định giá; phương thức phân phối tài sản cho nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về hoạt động thanh lý và phân phối tài sản;

c) Cam kết bằng văn bản được ký bởi đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ (nếu có) và ngân hàng giám sát về việc chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản để giải thể quỹ.

3. Sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày gửi thông báo, nếu Ủy ban Chứng khoán Nhà nước không có ý kiến về việc giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này. Đồng thời, công ty quản lý quỹ tiến hành thực hiện trình tự, thủ tục hủy niêm yết tự nguyện, hủy đăng ký chứng chỉ quỹ theo hướng dẫn của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

4. Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được đại hội nhà đầu tư thông qua, nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, phí quản lý, phí giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu phí đã được đại hội nhà đầu tư thông qua. Sau ngày giải thể quỹ, định kỳ hàng tháng, công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị tài sản ròng còn lại

của quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một chứng chỉ quỹ, danh mục tài sản còn lại chưa kịp phân phối cho nhà đầu tư theo mẫu quy định tại phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này. Thông báo gửi cho nhà đầu tư phải được cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm theo báo cáo về tài sản và báo cáo danh mục đầu tư của quỹ theo mẫu quy định tại phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trong thời hạn mười năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu không có công ty quản lý quỹ) có trách nhiệm công bố thông tin về việc hoàn tất thanh lý, phân phối và giải thể quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư này, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả giải thể quỹ bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo có xác nhận của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và tổ chức kiểm toán hoặc ban đại diện quỹ (nếu có) về việc thanh lý các tài sản của quỹ, việc trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đối với các chủ nợ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ khác, kể cả các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Báo cáo phải đính kèm danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, kể cả các khoản nợ về thuế;

b) Báo cáo kết quả giải thể, thành lý tài sản của quỹ có xác nhận của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và tổ chức kiểm toán hoặc ban đại diện quỹ (nếu có) về tiến trình thanh lý tài sản, phương thức thanh lý và phân chia tài sản; tổng giá trị tài sản thu được sau khi thanh lý; tổng nợ phải thanh toán và phần tài sản còn lại để phân phối cho các nhà đầu tư theo mẫu quy định tại phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp quỹ phân chia tài sản không phải là tiền, tài liệu bổ sung bao gồm xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về việc đã hoàn tất phân bổ, đăng ký chứng khoán cho nhà đầu tư theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và nhà đầu tư; xác nhận của tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, doanh nghiệp tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ về việc đã hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, phần vốn góp cho từng nhà đầu tư tham gia vào quỹ theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ;

c) Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;

d) Báo cáo thẩm định kết quả thanh lý tài sản của tổ chức kiểm toán được đại hội nhà đầu tư chỉ định hoặc của ban đại diện quỹ (nếu có);

đ) Xác nhận của nhà đầu tư về việc nhận đầy đủ tiền và tài sản theo đúng phương án giải thể quỹ.

6. Trường hợp thông báo kết quả giải thể không chính xác, có tài liệu giả mạo, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, những tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

Điều 22. Quy định về hoạt động liên quan của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có quyền và trách nhiệm sau:

a) Hướng dẫn việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại;

b) Thực hiện chuyển nhượng ngoài hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán khi thực hiện hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại;

c) Hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, phân bổ chứng chỉ quỹ ETF;

d) Xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động, cung cấp thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán về các hoạt động phát hành thêm, mua lại chứng chỉ quỹ ETF;

đ) Giám sát hoạt động vay, cho vay chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF của thành viên lập quỹ trên hệ thống của mình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư này; giám sát bảo đảm thành viên lập quỹ có đủ chứng khoán để thanh toán khi thực hiện các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

e) Được cung cấp các dịch vụ cho quỹ ETF theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư này;

g) Trung tâm Lưu ký Chứng khoán được thu phí chuyển nhượng chứng khoán cho các giao dịch hoán đổi với mức phí tối đa là 0,1% giá trị chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo mệnh giá. Phí chuyển nhượng chứng khoán do hoán đổi danh mục chỉ thu đối với nhà đầu tư thực hiện hoán đổi và được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thu qua thành viên nơi nhà đầu tư đề nghị hoán đổi mở tài khoản và lưu ký chứng khoán cơ cấu. Đối với các dịch vụ theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư này, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán được thu phí dịch vụ theo thỏa thuận với công ty quản lý quỹ;

h) Hướng dẫn thành viên lập quỹ trong hoạt động vay, cho vay chứng chỉ quỹ ETF, chứng khoán cơ cấu trong các giao dịch hoán đổi.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán có quyền và trách nhiệm:

a) Xây dựng, duy trì, quản lý chỉ số thị trường làm chỉ số tham chiếu của quỹ ETF và được thu phí quản lý chỉ số theo quy định;

b) Hướng dẫn việc niêm yết, hủy niêm yết, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;

c) Xây dựng quy chế về hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường; giám sát hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường đối với các nội dung sau:

- Khối lượng giao dịch tối thiểu, tối đa (nếu có);

- Mức trần chênh lệch giá giữa giá yết chào bán và giá yết chào mua;
- Thời gian tối thiểu tham gia tạo lập thị trường và các hệ số hoạt động;
- Nghĩa vụ và nội dung báo cáo định kỳ hàng tháng về hoạt động tạo lập thị trường;

d) Xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán để giám sát, chia sẻ thông tin về các giao dịch của thành viên lập quỹ bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

đ) Cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng tham chiếu cho công ty quản lý quỹ;

e) Cung cấp các dịch vụ khác trên cơ sở hợp đồng ký với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ.

Điều 23. Quy định về ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát do công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

2. Hoạt động lưu ký, giám sát của ngân hàng giám sát; việc thay đổi, chấm dứt, bàn giao quyền trách nhiệm của ngân hàng giám sát thực hiện theo các quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

Chương IV

NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 24. Thông tin cho nhà đầu tư và nghĩa vụ báo cáo của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi nhà đầu tư thống kê giao dịch và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ theo mẫu tại phụ lục số 14 và phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn cung cấp thông tin không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của nhà đầu tư.

2. Công ty quản lý quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho nhà đầu tư:

a) Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;

b) Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ bán niên và cả năm, bao gồm các nội dung cơ bản quy định tại phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và cả năm, theo mẫu quy định tại phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, hàng tháng, bán niên và cả năm, theo mẫu quy định tại phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo sau:

a) Báo cáo định kỳ hàng tuần về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ ETF theo mẫu quy định tại phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ ETF định kỳ hàng tháng, bán niên và cả năm theo mẫu quy định tại phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo về các giao dịch tài sản của quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm, theo mẫu quy định tại phụ lục số 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và hàng năm, theo mẫu quy định tại phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư hoặc các hình thức khác quy định tại điều lệ quỹ và công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt.

5. Nhà đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu, công ty quản lý quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của quỹ.

6. Thời hạn nộp các báo cáo:

a) Đối với báo cáo tháng, trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày kết thúc tháng;

b) Đối với báo cáo quý, trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc quý;

c) Đối với báo cáo bán niên, trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc quý nửa năm tài chính;

d) Đối với báo cáo năm, trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

7. Ngoài các trường hợp báo cáo quy định tại Điều này, trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích chung và lợi ích nhà đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể yêu cầu công ty quản lý quỹ báo cáo về hoạt động của quỹ.

8. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo quy định tại khoản 5 Điều này.

9. Báo cáo gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải được gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử.

Điều 25. Nghĩa vụ báo cáo của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát lập và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo giám sát tháng, quý, năm về hoạt động quản lý tài sản của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện theo mẫu quy định tại phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo giám sát của ngân hàng giám sát phải đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ như sau:

- a) Đánh giá tính tuân thủ của công ty quản lý quỹ trong hoạt động đầu tư, giao dịch của các quỹ;
- b) Đánh giá việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, trong đó nêu chi tiết những trường hợp định giá sai tài sản của quỹ (nếu có);
- c) Hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu (phát hành, mua lại các lô chứng chỉ quỹ);
- d) Các vi phạm (nếu có) của công ty quản lý quỹ và kiến nghị hướng giải quyết, khắc phục.

2. Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi vi phạm được phát hiện trong các trường hợp sau:

- a) Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- b) Thiệt hại từ hoạt động quản lý tài sản do công ty quản lý quỹ gây ra là quá lớn và chi phí giải quyết hậu quả là quá cao;
- c) Các trường hợp khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 26. Công bố thông tin

1. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc phiên giao dịch tại ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Sở Giao dịch Chứng khoán các thông tin sau:

- a) Danh mục chứng khoán cơ cấu đã sử dụng để hoán đổi;
- b) Số lô chứng chỉ quỹ ETF đã phát hành, đã mua lại từ các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư; chênh lệch so với ngày giao dịch hoán đổi trước đó;
- c) Thông tin về khối lượng chứng chỉ quỹ ETF niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán; thông tin về biến động giá giao dịch chứng chỉ quỹ ETF, giá đóng cửa cuối ngày của chứng chỉ quỹ ETF, biến động giá so với ngày giao dịch trước đó;
- d) Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và biến động các giá trị này; biến động giá trị tài sản ròng tham chiếu trong ngày; chỉ số tham chiếu và biến động của chỉ số tham chiếu;

đ) Việc tạm ngừng nhận và thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi (nếu có);

e) Sai lệch của cơ cấu đầu tư và việc điều chỉnh lại danh mục chứng khoán cơ cấu đầu tư (nếu có);

g) Việc định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ (nếu có);

h) Giải thể quỹ (nếu có);

i) Thay thế ngân hàng giám sát (nếu có);

j) Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có);

k) Các thông tin khác nếu có liên quan (nếu có).

2. Định kỳ hàng tuần, công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của công ty mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (tracking error - TE).

3. Định kỳ sáu (06) tháng, cả năm, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty các nội dung sau:

a) Thông tin về hiệu quả hoạt động của quỹ ETF so với chỉ số tham chiếu (nếu có); thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có);

b) Tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ ETF;

c) Việc công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm.

4. Trong hoạt động giao dịch chứng khoán, quỹ ETF phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính, trừ các giao dịch hoán đổi với thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán xây dựng các quy trình nghiệp vụ, quy chế hoạt động, phối hợp cung cấp dịch vụ có liên quan theo quy định tại Điều 22 Thông tư này và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi thực hiện.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quỹ ETF có trách nhiệm tổ chức thực hiện. 2

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng BCĐTU về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện KSNDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà